CTCP Thủy điện Hương Sơn (UPCOM: GSM)

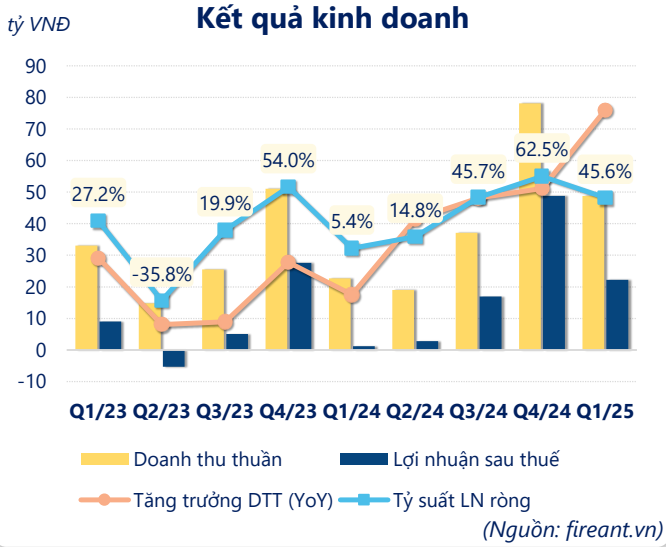
Ngày 31/03/2025	27,000 VNĐ		
	1 tháng	3 tháng	6 tháng
Thay đổi	0.7%	12.5%	26.2%

ROE 2024: 13.9% | +/- YoY: ▲ 6.5%

	Q1/25	QoQ	YoY
DT thuần	48.8 tỷ VNĐ	▼ 29.3 ▼ 37.5%	▲ 26.1 ▲ 115%
LN gộp	28.8 tỷ VNĐ	▼ 29.1 ▼ 50.2%	▲ 23.3 ▲ 427%
LN thuần	23.2 tỷ VNĐ	▼ 28.1 ▼ 54.7%	▲ 21.9 ▲ 1688%
LN sau thuế	22.3 tỷ VNĐ	▼ 26.5 ▼ 54.4%	▲ 21.1 ▲ 1710%

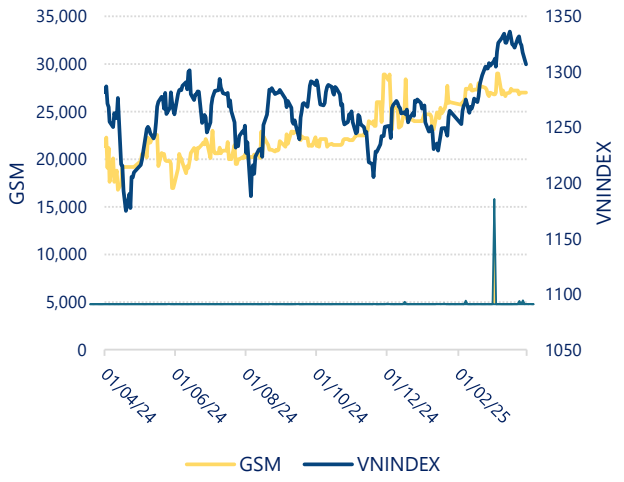
	2024	YoY
DT thuần	157 tỷ VNĐ	▲ 33.0 ▲ 26.0%
LN gộp	85.7 tỷ VNĐ	▲ 33.9 ▲ 65.3%
LN thuần	73.8 tỷ VNĐ	▲ 35.4 ▲ 92.4%
LN sau thuế	69.6 tỷ VNĐ	▲ 33.4 ▲ 92.1%

Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

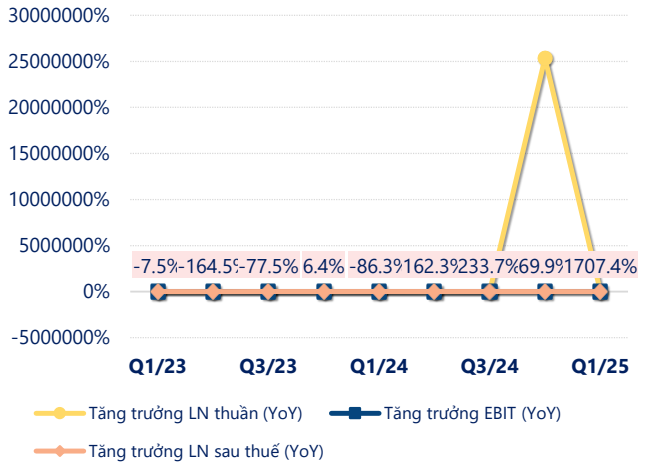
Lịch sử giá



Powered by Infographic
https://fireant.vn/

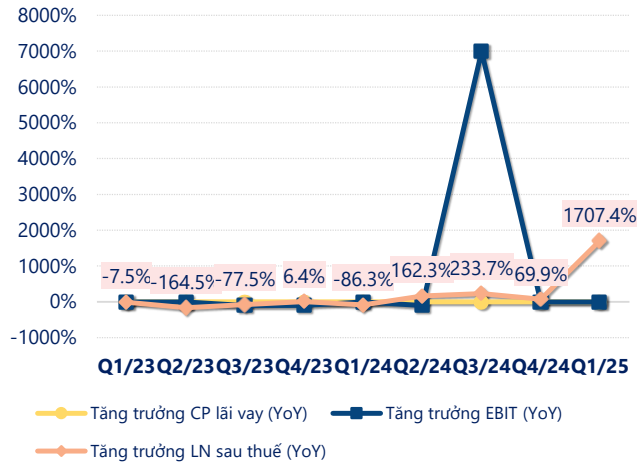
CTCP Thủy điện Hương Sơn (UPCOM: GSM)

Tăng trưởng lợi nhuận



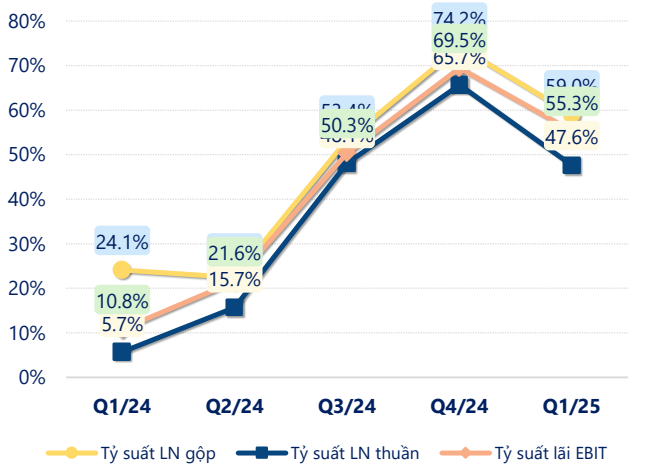
(Nguồn: fireant.vn)

Tăng trưởng chi phí



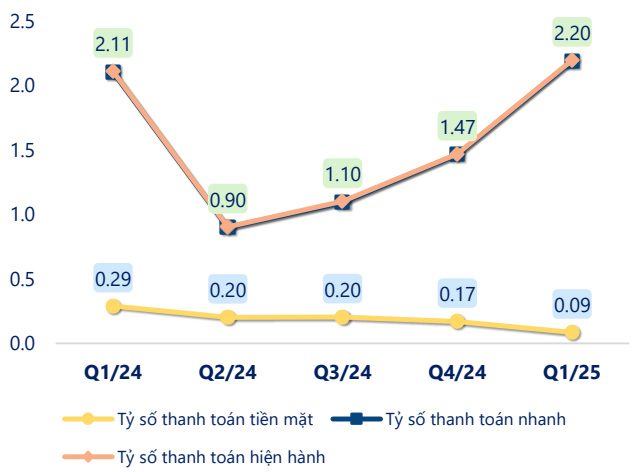
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



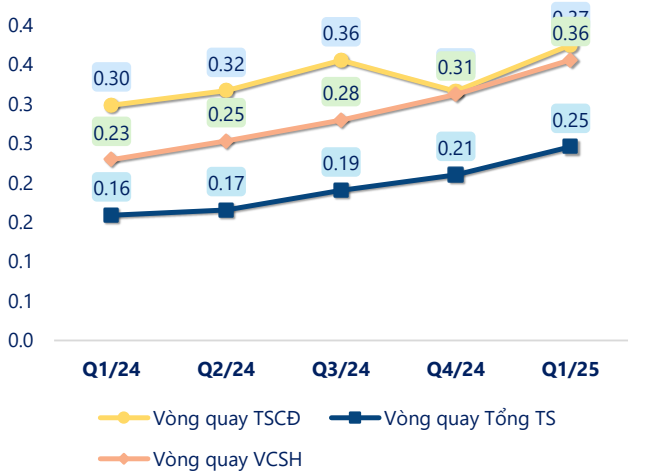
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



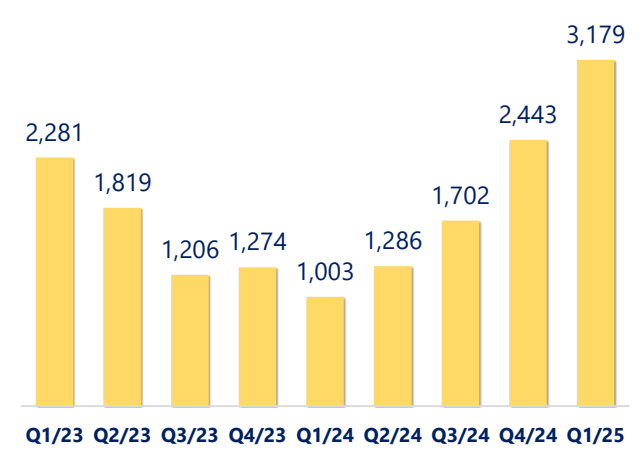
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

EPS

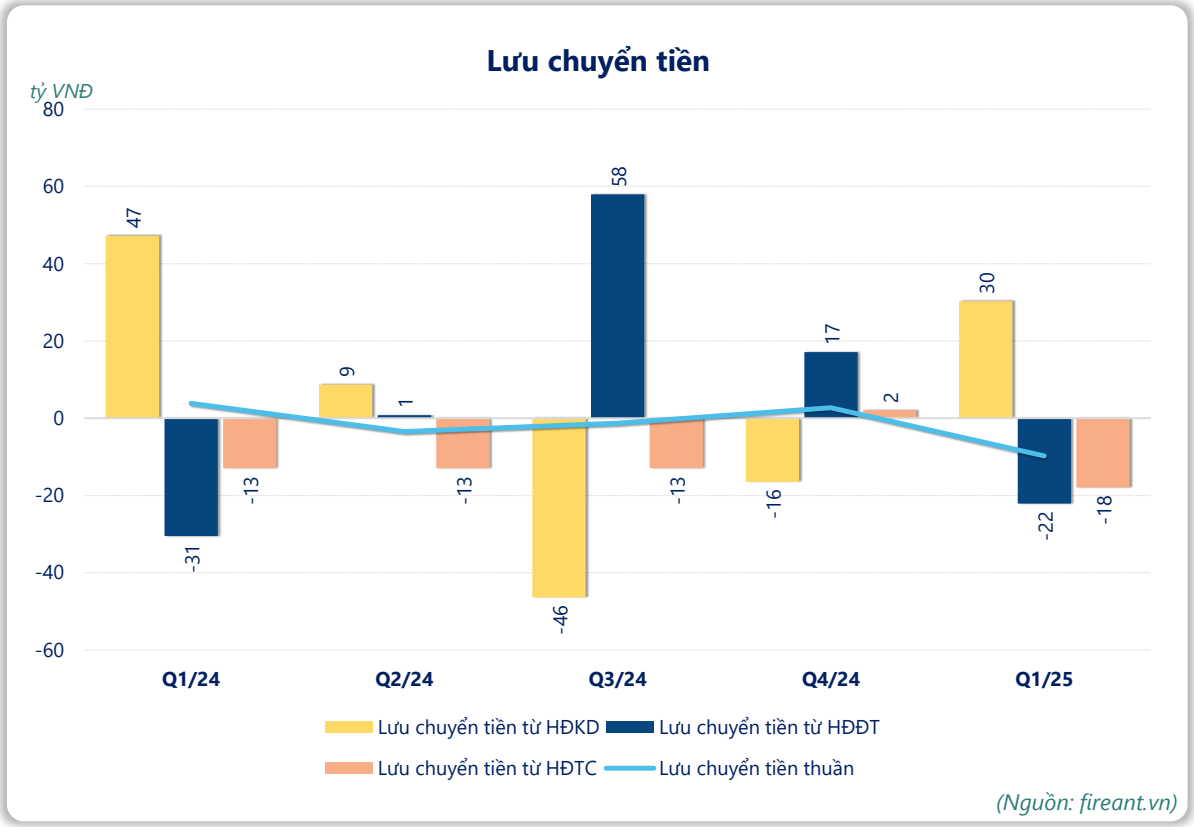


(Nguồn: fireant.vn)

CTCP Thủy điện Hương Sơn (UPCOM: GSM)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q1/25	Q1/24	Thay đổi YoY	2024	2023	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	**48.8**	**22.7**	**115%**	**157**	**124**	**26.0%**
Giá vốn hàng bán	20.0	17.2	16.2%	71.0	72.5	-2.1%
Lợi nhuận gộp	28.8	5.47	427%	85.7	51.8	65.3%
Doanh thu HĐTC	0.00	0.01	-58.8%	1.61	3.79	-57.5%
Chi phí TC	3.56	1.16	207%	5.88	8.34	-29.5%
Chi phí lãi vay	3.56	1.16	207%	5.88	8.34	-29.5%
LN trong công ty LKLD	**0**	**0.00**		**0**	**0**	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	**2.01**	**3.02**	**-33.3%**	**7.63**	**8.92**	**-14.4%**
LN thuần từ HĐKD	23.2	1.30	1688%	73.8	38.4	92.4%
Lợi nhuận khác	**0.19**	**0.00**		**0.11**	**-0.12**	**186%**
LN trước thuế	23.4	1.30	1703%	73.9	38.2	93.2%
Lợi nhuận sau thuế	**22.3**	**1.23**	**1710%**	**69.6**	**36.2**	**92.1%**
LNST của CĐ cty mẹ	**22.3**	**1.23**	**1710%**	**69.6**	**36.2**	**92.1%**

(Nguồn: fireant.vn)



(Nguồn: fireant.vn)